**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

*LIST OF ACCREDITED TESTS*

***(Kèm theo quyết định số/attachment with decision:*** 3440 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *09* ***tháng 11 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

| | |
|---|---|
| Tên phòng thí nghiệm: | **Phòng kỹ thuật đo kiểm** |
| *Laboratory:* | ***Measurement and Testing Department*** |
| Tổ chức /Cơ quan chủ quản: | **Công ty Cổ phần KASATI** |
| *Organization:* | ***KASATI Joint Stock Company*** |
| Số hiệu/ *Code:* | **VILAS 1651** |
| Chuẩn mực công nhận<br>*Accreditation criteria* | **ISO/IEC 17025:2017** |
| Lĩnh vực: | **Điện - Điện tử** |
| *Field:* | ***Electrical - Electronic*** |
| Người quản lý/<br>*Laboratory manager:* | **Ngô Văn Lập** |
| Hiệu lực công nhận<br>*Period of Validation:* | **Kể từ ngày** *09* **/11/2026 đến ngày** *08* **/11/2031** |
| Địa chỉ: | **270A Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, thành phố Hồ Chí Minh** |
| *Address*: | ***270A Ly Thuong Kiet Street, Dien Hong Ward, Ho Chi Minh City*** |
| Địa điểm: | **270A Lý Thường Kiệt, Phường Diên Hồng, thành phố Hồ Chí Minh** |
| *Location:* | ***270A Ly Thuong Kiet Street, Dien Hong Ward, Ho Chi Minh City*** |
| Điện thoại/ *Tel*: | **02838655343** |
| Email: | **kasati@kasati.com.vn** |
| Website: | **kasati.com.vn** |

**DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**

*LIST OF ACCREDITED TESTS*

**VILAS 1651**

**Lĩnh vực thử nghiệm: Điện – Điện tử**

*Field of testing: Electrical - Electronic*

| TT | Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested* | Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests* | Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement* | Phương pháp thử/ *Test method* |
|---|---|---|---|---|
| 1. | **Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BS)** ***Public land mobile telephone base station (BS)*** | Xác định tỷ lệ phơi nhiễm tổng cộng (TER), bao gồm:<br>- Xác định vùng tuân thủ, vùng thâm nhập, vùng liên quan và vùng đo (x);<br>- Đo cường độ trường điện từ bằng phương pháp đo chọn tần (x).<br>*Determination of total exposure ratio (TER), including:*<br>*- Identification of the compliance zone, public access area (PA), relevant domain (RD) and domain of investigation (DI) (x);*<br>*- Measurement of electromagnetic field strength using the frequency-selective measurement method (x).* | 100 MHz ~ 6 GHz | QCVN 8:2022/BTTTT |

**Ghi chú/*Note*:**

QCVN: Quy chuẩn Việt Nam/ *Vietnamese Technical Regulation;*

(x): Phép thử có thực hiện ở hiện trường/ *On-sites testing;*

Trường hợp Công ty Cổ phần KASATI cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần KASATI phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for KASATI Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service./.*